

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thông tin về Công ty

**Giấy chứng nhận đăng ký
kinh doanh số**

0100105609

ngày 1 tháng 8 năm 2007

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105609 ngày 3 tháng 6 năm 2015. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Hữu Lương
Ông Nguyễn Tuấn Anh
Ông Trần Đức Thắng
Ông Trần Thanh Hà
Ông Mai Tiến Khanh

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

(từ ngày 13 tháng 5 năm 2015)

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Hữu Lương
Ông Nguyễn Tuấn Anh
Ông Mai Tiến Khanh
Ông Trần Thanh Hà
Ông Nguyễn Công Thanh
Ông Trần Văn Liên

Tổng Giám đốc
(từ ngày 20 tháng 5 năm 2015)
Tổng Giám đốc
(đến ngày 20 tháng 5 năm 2015)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 13 tháng 5 năm 2015)

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thúy
Bà Hoàng Thị Thanh Vân
Ông Đinh Ngọc Lâm
Ông Nguyễn Ngọc Châu

Trưởng ban
(từ ngày 1 tháng 6 năm 2015)
Trưởng ban
(đến ngày 1 tháng 6 năm 2015)
Ủy viên
Ủy viên

Trụ sở đăng ký

Số 278, Phố Tôn Đức Thắng
Quận Đống Đa, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được lập và trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày _____, được trình bày từ trang 6 đến 52. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi đã không thể thu thập được bằng chứng soát xét thích hợp để làm cơ sở đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Cơ sở từ chối đưa ra kết luận

Các số dư đầu kỳ và số liệu so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó trong báo cáo kiểm toán ký ngày 31 tháng 3 năm 2015 về các vấn đề mà theo chúng tôi có ảnh hưởng trọng yếu lan tỏa đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

- Công ty kiểm toán tiền nhiệm không thể đưa ra ý kiến về một số số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn, phải thu ngắn hạn khác, phải trả người bán ngắn hạn, người mua trả tiền trước ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác có giá trị ghi sổ tương ứng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 63 tỷ VND, 58 tỷ VND, 35 tỷ VND, 216 tỷ VND, 14 tỷ VND và 21 tỷ VND do công ty kiểm toán tiền nhiệm đã không thể nhận được các biên bản đối chiếu với các bên thứ 3 về những khoản này; và
- Chi phí tài chính và lỗ sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bị ghi thiếu đồng thời 9 tỷ VND liên quan đến khoản chi phí lãi vay chưa được ghi nhận. Nếu Công ty đã ghi nhận khoản chi phí lãi vay này cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, chi phí tài chính và lỗ sau thuế cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ cùng giảm đi 9 tỷ VND.

Ngoài ra, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 chưa được soát xét, do đó, các số liệu so sánh trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh có liên quan là số liệu chưa được soát xét.

Do các số dư đầu kỳ hiện hành được mang sang căn cứ trên số liệu báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo soát xét của chúng tôi về các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng có nội dung ngoại trừ do các ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đối với kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như các ảnh hưởng của chúng đối với các số liệu so sánh được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, trong trả trước cho người bán ngắn hạn có một số khoản có giá trị ghi số 19 tỷ VND liên quan đến các hợp đồng cung cấp hàng hóa dịch vụ do Công ty ký với các nhà cung cấp từ các năm trước nhưng vẫn chưa được tất toán tại ngày lập báo cáo này. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty chưa tiến hành đánh giá khả năng thu hồi của những khoản trả trước này cho đến ngày phát hành báo cáo này. Chúng tôi không thể thực hiện được những thủ tục kiểm toán thích hợp để xác định được khả năng thu hồi của các khoản trả trước đó. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với trả trước cho người bán và lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác và lỗ thuần trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày.

Các khoản tạm ứng cho các thuyền trưởng

Như được trình bày tại Thuyết minh 12 trong báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, trong tài sản ngắn hạn khác của Công ty có các khoản tạm ứng cho các thuyền trưởng với giá trị ghi số là 38 tỷ VND (1/1/2015: 40 tỷ VND) đã tồn đọng từ lâu nhưng chưa được hoàn ứng. Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc của Công ty chưa thực hiện việc đánh giá khả năng thu hồi của những khoản tạm ứng này.

Do bị hạn chế về những thông tin trên, chúng tôi không thể thực hiện được những thủ tục thích hợp để xác định tính đầy đủ, tính hiện hữu, tính chính xác và khả năng thu hồi của các khoản tạm ứng đó. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với tài sản ngắn hạn khác và lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác và lỗ thuần trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày.

Xây dựng cơ bản dở dang

Trong khoản mục xây dựng cơ bản dở dang của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các chi phí phát sinh liên quan đến một số dự án có giá trị ghi sổ 4 tỷ VND mà việc thực hiện các dự án này đang bị chậm trễ đáng kể. Tại ngày của báo cáo này, chúng tôi không được cung cấp thông tin liên quan đến việc liệu các dự án này có được tiếp tục thực hiện hay không hoặc các lợi ích kinh tế trong tương lai mà Công ty có thể thu được từ các dự án nói trên nhằm bù đắp các chi phí đã phát sinh. Ban Giám đốc Công ty chưa thực hiện đánh giá liệu các chi phí đó có đủ điều kiện được ghi nhận là tài sản theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình hay không.

Do không có đầy đủ thông tin, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục soát xét khả thi nào để thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về giá trị của các tài sản này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với số liệu trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất về xây dựng cơ bản dở dang, chi phí khác, lỗ thuần, thuế thu nhập doanh nghiệp và lỗ lũy kế tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục mặc dù tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 2.925 tỷ VND (31/12/2014: 1.544 tỷ VND) và tổng nợ phải trả của Công ty đã vượt quá tổng tài sản là 2.519 tỷ VND (31/12/2014: 2.219 tỷ VND) và như được trình bày tại Thuyết minh 21(a) trong báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty có các khoản vay đáng kể đến hạn phải trả trong vòng 12 tháng tới.

Mặc dù vậy, Ban Giám đốc Công ty nhận định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục nếu Công ty thực hiện thành công quá trình tái cơ cấu. Trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này, Công ty đã và đang thực hiện nhiều biện pháp tái cơ cấu về tổ chức, kinh doanh và quản lý tài chính, tuy nhiên, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng để củng cố giả định rằng kết quả của việc tái cơ cấu sẽ giúp Công ty thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và, theo đó là sự phù hợp của giả định hoạt động liên tục. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thực hiện các điều chỉnh đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động liên tục.

Từ chối kết luận

Do mức độ ảnh hưởng trọng yếu của các vấn đề nêu trong đoạn Cơ sở từ chối kết luận, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng để đưa ra kết luận trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Do vậy, chúng tôi không đưa ra kết luận trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2015 đối với các vấn đề sau:

- Chi phí tài chính và lỗ sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bị ghi thiếu đồng thời 13,6 tỷ VND liên quan đến khoản chi phí lãi vay chưa được ghi nhận;
- Công ty trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định trị giá 14,5 tỷ VND trên tài khoản Chi phí phải trả nhưng chưa có chứng từ kèm theo;
- Công ty kiểm toán tiền nhiệm không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về số dư của các khoản công nợ phải thu, phải trả, tạm ứng và tiền vay cá nhân tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 do không nhận được đầy đủ các biên bản đối chiếu công nợ; và
- Thông tin tài chính của các công ty con và công ty liên kết được sử dụng để hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất chưa được kiểm toán.

Ngoài ra, cũng trong báo cáo đó, công ty kiểm toán tiền nhiệm đưa ra vấn đề cần nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 chưa được soát xét.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 15-02-184-R-a

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày tháng năm

Nguyễn Tâm Anh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0651-2013-007-1

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		260.090.119.801	283.367.812.300
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	21.309.088.326	13.266.358.377
Tiền	111		15.309.088.326	13.266.358.377
Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.100.000.000	3.100.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	6.100.000.000	3.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121.921.948.051	168.877.921.651
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	91.878.201.940	87.215.279.986
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		64.577.882.341	73.214.246.822
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.363.565.959	3.213.565.959
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	54.366.158.975	73.623.577.271
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(92.263.861.164)	(68.388.748.387)
Hàng tồn kho	140	11	30.972.558.588	28.049.105.025
Hàng tồn kho	141		31.147.258.531	28.049.105.025
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(174.699.943)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		79.786.524.836	70.074.427.247
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	9.593.339.967	16.238.431
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18(a)	23.100.696.438	21.606.614.239
Tài sản ngắn hạn khác	155	12	47.092.488.431	48.451.574.577

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		2.490.775.433.388	2.619.616.105.898
Tài sản cố định	220		2.360.223.699.342	2.475.135.994.345
Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.359.580.082.363	2.474.485.145.714
<i>Nguyên giá</i>	222		3.380.263.831.860	3.380.535.197.941
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.020.683.749.497)	(906.050.052.227)
Tài sản cố định vô hình	227	14	643.616.979	650.848.631
<i>Nguyên giá</i>	228		723.165.149	723.165.149
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(79.548.170)	(72.316.518)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.444.748.660	4.444.748.660
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	4.444.748.660	4.444.748.660
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	102.011.251.597	102.011.251.597
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		102.011.251.597	102.011.251.597
Tài sản dài hạn khác	260		24.095.733.789	38.024.111.296
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	22.565.704.589	36.486.082.096
Tài sản dài hạn khác	268		1.530.029.200	1.538.029.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.750.865.553.189	2.902.983.918.198

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.270.175.494.122	5.122.693.654.843
Nợ ngắn hạn	310		3.184.759.091.404	1.827.341.207.479
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	265.832.941.075	287.452.689.074
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		44.220.804.825	32.472.776.928
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18(b)	16.706.091.827	16.527.043.821
Phải trả người lao động	314		42.648.323.897	43.889.904.579
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.279.011.940.003	1.174.609.353.548
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	1.756.932.364
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	50.566.092.440	51.615.884.645
Vay ngắn hạn	320	21(a)	1.479.679.432.209	213.649.905.427
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	6.093.465.128	5.366.717.093
Nợ dài hạn	330		2.085.416.402.718	3.295.352.447.364
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	883.884.287	908.796.949
Vay dài hạn	338	21(b)	2.084.532.518.431	3.294.443.650.415

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		(2.519.309.940.933)	(2.219.709.736.645)
Vốn chủ sở hữu	410	23	(2.519.309.940.933)	(2.219.709.736.645)
Vốn cổ phần	411	24	200.560.000.000	200.560.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.560.000.000	200.560.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		13.842.805.000	13.842.805.000
Cổ phiếu quỹ	415	24	(5.300.680.000)	(5.300.680.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	49.900.958.550	49.928.550.007
Lỗi lũy kế	421		(2.781.275.973.542)	(2.478.740.411.652)
- Lỗi lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2,479,784,170,667)	(1.992.105.645.484)
- Lỗi kỳ này	421b		(301,491,802,875)	(486.634.766.168)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.962.949.059	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.750.865.553.189	2.902.983.918.198

[Ngày tháng năm]

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Thanh
*Kế toán tổng hợp*Hoàng Thị Thu Thảo
*Kế toán trưởng*Trịnh Hữu Lương
*Tổng Giám đốc**Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.*

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
Tổng doanh thu	01	27	142.556.525.970	127.981.643.520
Giá vốn hàng bán	11	28	237.806.566.867	247.950.614.993
Lỗ gộp (20 = 01 - 11)	20		(95.250.040.897)	(119.968.971.473)
Doanh thu hoạt động tài chính	21		835.990.937	268.951.062
Chi phí tài chính	22	29	164.193.719.049	94.202.426.007
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		107.923.673.054	93.867.845.793
Chi phí bán hàng	25		6.842.807.677	3.493.981.228
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		35.005.395.194	8.802.970.815
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(300.455.971.880)	(226.199.398.461)
Thu nhập khác	31	30	4.127.004.555	20.618.936.107
Chi phí khác	32	31	4.780.761.595	20.234.211.191
(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(653.757.040)	384.724.916
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(301.109.728.920)	(225.814.673.545)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	116.334.247	38.734.577
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		(301.226.063.167)	(225.853.408.122)
Phân bổ cho:				
Lỗ sau thuế của công ty mẹ	61		(301,189,012,226)	(225.853.408.122)
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(37,050,941)	-

[Ngày tháng năm]

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Thanh
Kế toán tổng hợp

Hoàng Thị Thu Thảo
Kế toán trưởng

Trịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ trước thuế	01		(301.109.728.920)	(225.814.673.545)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		114.899.558.503	114.898.617.948
Các khoản dự phòng	03		24.049.812.720	550.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03		55.669.836.048	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(51.289.566)	(28.643.771)
Chi phí lãi vay	06		107.923.673.054	93.867.845.793
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.381.861.839	(16.526.853.575)
Biến động các khoản phải thu	09		22.953.864.770	(4.531.274.458)
Biến động hàng tồn kho	10		(3.098.153.506)	8.480.966.390
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(16.828.382.915)	5.051.790.032
Biến động chi phí trả trước	12		4.343.275.971	(5.326.423.606)
			8.752.466.159	(12.851.795.217)
Tiền lãi vay đã trả	14		(807.318.589)	(648.998.234)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(70.400.000)	(35.994.885)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(344.602.437)	(80.587.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.530.145.133	(13.617.375.536)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi các khoản tiền gửi	25		(3.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	2.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		64.026.066	28.643.771
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.935.973.934)	2.528.643.771

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát	32		3.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		5.721.740.500	17.555.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.273.181.750)	(11.057.065.498)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.448.558.750	6.497.934.502
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		8.042.729.949	(4.590.797.263)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	6	13.266.358.377	10.240.874.488
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	6	21.309.088.326	5.650.077.225

[Ngày tháng năm]

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Thanh
Kế toán tổng hợp

Hoàng Thị Thu Thảo
Kế toán trưởng

Trịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc (“Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1108/QĐ/TCCB-LĐ ngày 3 tháng 6 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải với tên gọi là Công ty Vận tải Thủy Bắc. Công ty được đổi tên thành Công ty Vận tải Biển Bắc từ ngày 1 tháng 4 năm 2004. Từ ngày 1 tháng 8 năm 2007 Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2518/QĐ/BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Vận tải hành khách và hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hành khách và hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải thủy như vận tải đa phương thức, thuê tàu, cho thuê tàu, đại lý vận tải;
- Sửa chữa, bảo dưỡng các loại phương tiện, thiết bị công trình giao thông đường thủy, đường bộ, sửa chữa tàu biển và các trang thiết bị hàng hải;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch như kinh doanh dữ hành quốc tế và nội địa, kinh doanh dịch vụ du lịch; và
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 3 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2015: 3 công ty con và 2 công ty liên kết) như sau:

	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Hoạt động chính
▪ Công ty con:				
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải thủy Nosco Quảng Ninh Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu	Quảng Ninh	100%	100%	Cho thuê tàu và cung cấp dịch vụ thuê liên quan
Nosco Đông Phong Công ty TNHH Vận tải biển và cung ứng nhân lực	Hà Nội	100%	100%	Xuất nhập khẩu và kinh doanh máy thủy
Quốc tế Nosco	Hà Nội	62,50%	62,50%	Cho thuê tàu và cung ứng thuyền viên
▪ Công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Bắc	Hà Nội	30%	30%	Cho thuê tàu và cung cấp dịch vụ thuê liên quan
Công ty Cổ phần Sửa chữa tàu biển Nosco - Vinalines	Hà Nội	20,47%	20,47%	Cung cấp dịch vụ sửa chữa tàu biển

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty và các công ty con có 401 nhân viên (1/1/2015: 471 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ thuần sau thuế trong kỳ của Công ty là 301 tỷ VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 – chưa soát xét: 226 tỷ VND). Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 2.925 tỷ VND (1/1/2015: 1.544 tỷ VND) và tổng nợ phải trả đã vượt quá tổng tài sản là 2.519 tỷ VND (1/1/2015: 2.219 tỷ VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 21(a)).

Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty thực hiện thành công việc tái cơ cấu toàn diện, bao gồm việc tái cơ cấu các khoản vay đã quá hạn và các khoản vay đến hạn trả. Trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã và đang thực hiện nhiều biện pháp tái cơ cấu về tổ chức, kinh doanh và quản lý tài chính. Việc thực hiện tái cơ cấu này phụ thuộc vào một số sự kiện dự kiến sẽ xảy ra trong tương lai. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tại thời điểm lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ hoàn thành quá trình tái cơ cấu toàn diện, bao gồm việc tái cơ cấu các khoản vay đã quá hạn và các khoản vay đến hạn trả.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, nếu có, được trình bày trong thuyết minh về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(a)).

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của các đơn vị này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và các công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty và các công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	30 – 50 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa tàu biển

Chi phí sửa chữa bao gồm các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc sửa chữa lớn tàu biển và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2,5 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Báo cáo bộ phận**

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bộ phận cho thuê tàu và cung cấp dịch vụ; và
- Bộ phận kinh doanh máy thủy.

	Cho thuê tàu và cung cấp dịch vụ		Kinh doanh máy thủy		Hợp nhất	
	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015	30/6/2014	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015	30/6/2014	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng của bộ phận	86.352.510.014	104.314.696.423	56.204.015.956	23.666.947.097	142.556.525.970	127.981.643.520
Giá vốn của bộ phận	(188.121.734.143)	(227.836.806.376)	(49.684.832.724)	(20.113.808.617)	(237.806.566.867)	(247.950.614.993)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(101.769.224.129)	(123.522.109.953)	6.519.183.232	3.553.138.480	(95.250.040.897)	(119.968.971.473)
Doanh thu tài chính	724.996.183	112.401.550	110.994.754	156.549.512	835.990.937	268.951.062
Chi phí tài chính	(164.105.040.388)	(94.146.199.352)	(88.678.661)	(56.226.655)	(164.193.719.049)	(94.202.426.007)
Chi phí bán hàng	(251.256.594)	(621.945.569)	(6.591.551.083)	(2.872.035.659)	(6.842.807.677)	(3.493.981.228)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(35.005.395.194)	(8.802.970.815)	-	-	(35.005.395.194)	(8.802.970.815)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh	(300.405.920.122)	(226.980.824.139)	(50.051.758)	781.425.678	(300.455.971.880)	(226.199.398.461)

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Cho thuê tàu và cung cấp dịch vụ		Kinh doanh máy thủy		Hợp nhất	
	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015	30/6/2014	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015	30/6/2014	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thu nhập khác	4.087.004.555	20.511.936.107	40.000.000	107.000.000	4.127.004.555	20.618.936.107
Chi phí khác	(4.657.158.923)	(20.234.203.247)	(123.602.672)	(7.944)	(4.780.761.595)	(20.234.211.191)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(11.920.084)	(116.334.247)	(26.814.493)	(116.334.247)	(38.734.577)
Lỗ thuần sau thuế	(300.976.074.490)	(226.715.011.363)	(249.988.677)	861.603.241	(301.226.063.167)	(225.853.408.122)
	Cho thuê tàu và cung cấp dịch vụ	Kinh doanh máy thủy	Hợp nhất			
	30/6/2015	1/1/2015	30/6/2015	1/1/2015	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng tài sản của bộ phận	2.707.901.618.528	2.870.812.645.167	42.963.934.661	32.171.273.031	2.750.865.553.189	2.902.983.918.198
Tổng nợ phải trả của bộ phận	(5.239.696.175.348)	(5.102.838.408.270)	(30.479.318.774)	(19.855.246.573)	(5.270.175.494.122)	(5.122.693.654.843)
	30/6/2015	30/6/2014	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày		30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND	30/6/2015	30/6/2014	VND	VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	114.881.919.635	114.880.979.080	10.407.216	10.407.216	114.892.326.851	114.891.386.296
Khấu hao tài sản cố định vô hình	7.231.652	7.231.652	-	-	7.231.652	7.231.652

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	2.560.990.631	543.380.081
Tiền gửi ngân hàng	12.748.097.695	12.722.978.296
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	-
	21.309.088.326	13.266.358.377
	21.309.088.326	13.266.358.377

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	6.100.000.000	(*)	3.100.000.000	(*)
	6.100.000.000		3.100.000.000	

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	30/6/2015			1/1/2015				
				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		
▪ Công ty liên kết:											
Công ty Cổ phần Sửa chữa tàu biển Nosco - Vinalines	Hà Nội	20,47%	20,47%	102.011.251.597	-	(*)	25,2%	25,2%	102.011.251.597	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Bắc	Hà Nội	30%	30%	-	-	(*)	30%	30%	-	-	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Bắc	16.151.037.440	16.151.037.440
Công ty TNHH MTV Viễn Dương Vinashin	15.498.194.300	15.498.194.300
Thames Ship Management S.A	11.023.771.518	11.023.771.518
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải biển Quang Trường	9.881.151.221	9.881.151.221
Seaman Holdings Ltd.	5.557.031.298	5.557.031.298
Sara Shipping Piraeus	5.354.846.953	4.890.910.953
Sagar Ship Management Pte Ltd.	4.167.607.623	4.167.607.623
Ocean Transport and Shipping (Asia) Ltd.	3.169.983.196	3.169.983.196
Các khách hàng khác	21.074.578.391	16.875.592.437
	<hr/>	<hr/>
	91.878.201.940	87.215.279.986
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty liên kết:		
▪ Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Bắc	16.151.037.440	16.151.037.440
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và thanh toán khi Công ty yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu khác

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Phải thu tiền chuyển nhượng bất động sản (a)	29.780.000.000	29.780.000.000
Phải thu tiền thuế GTGT và TNDN đã nộp (b)	8.484.896.468	8.484.896.468
Phải thu tiền bảo hiểm tàu (c)	1.024.768.711	19.278.555.865
Các khoản chi hộ (d)	8.814.886.684	8.814.886.684
Phải thu khác	6.261.607.112	7.265.238.254
	54.366.158.975	73.623.577.271

- (a) Đây là khoản phải thu Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (“PVFC”) liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng nhà đất tại Số 246E Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Biên bản thỏa thuận giữa Công ty và PVFC, khoản phải thu này sẽ được cần trừ với khoản vay cho tàu Fortune Pearl của Công ty phát sinh từ Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Đông Nam Á – Chi nhánh Hải Phòng (“Seabank Hải Phòng”) dựa trên Hợp đồng đồng tài trợ số 2001089/ĐTTDH ngày 26 tháng 12 năm 2007 giữa các bên Seabank Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn và Công ty Tài chính Dầu khí – Chi nhánh Hải Phòng (“PVFC Hải Phòng”). Theo đó, PVFC Hải Phòng tài trợ vốn 21.052.500 USD trong tổng số tiền cho vay 52.105.000 USD và Seabank Hải Phòng được ủy quyền đứng ra ký hợp đồng tín dụng trên. Tại ngày lập báo cáo này, việc cần trừ chưa được thực hiện.
- (b) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Bắc, một công ty liên kết của Công ty, liên quan đến tiền thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty đã nộp Ngân sách Nhà nước trong năm 2010 khi thực hiện chuyển nhượng Dự án Trường Trung cấp Nghề Bắc Ninh cho công ty liên kết này. Tuy nhiên trong năm 2013 Công ty nhận lại dự án này và ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Bắc tương ứng với số thuế GTGT và thuế TNDN đã nộp. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đánh giá khả năng thu hồi khoản này là thấp nên đã trích lập dự phòng 100% cho khoản này.
- (c) Đây là khoản phải thu tiền bảo hiểm tàu với Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam dựa trên hồ sơ bảo hiểm đã được phê duyệt. Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, phần lớn các khoản phải thu này đã được bù trừ với khoản phải trả về bảo hiểm liên quan.
- (d) Đây là khoản phải thu Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin (“Vinashinlines”) cho các chi phí phát sinh của tàu New Phoenix sở hữu bởi Vinashinlines. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, sau khi cần trừ giữa các số dư phải thu và phải trả với Vinashinlines, Công ty đã trích lập 100% cho số dư phải thu thuần còn lại với Vinashinlines (Thuyết minh 10).

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Thời gian quá hạn	30/6/2015			1/1/2015			Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
▪ Phải thu khách hàng								
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Bắc	Trên 3 năm	16.151.037.440	16.151.037.440	-	Trên 3 năm	16.151.037.440	16.151.037.440	-
Công ty TNHH MTV Viễn Dương Vinashin (*) (Thuyết minh (d)9)	Trên 3 năm	15.498.194.300	15.164.131.876	334.062.424	Trên 3 năm	15.498.194.300	-	15.498.194.300
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Quang Trường	Trên 3 năm	9.881.151.221	9.881.151.221	-	Trên 3 năm	9.881.151.221	9.881.151.221	-
Thames Ship Management S.A	Trên 3 năm	11.023.771.518	10.856.075.829	167.695.689	Trên 3 năm	11.023.771.518	10.856.075.829	167.695.689
Seaman Holdings Ltd.	Trên 3 năm	5.557.031.298	5.407.749.539	149.281.759	Trên 3 năm	5.557.031.298	5.407.749.539	149.281.759
Sara Shipping Piraeus Ocean Transport and Shipping (Asia) Ltd.	Trên 3 năm	5.354.846.953	5.210.996.590	143.850.363	Trên 3 năm	5.354.846.953	5.210.996.590	143.850.363
Sagar Ship Management Pte Ltd.	Trên 3 năm	3.169.983.196	3.121.760.815	48.222.381	Trên 3 năm	3.169.983.196	3.121.760.815	48.222.381
	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	4.167.607.623	2.351.212.676	1.816.394.947	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	4.167.607.623	2.351.212.676	1.816.394.947
	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	6.570.152.697	5.861.232.244	708.920.453	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	5.722.623.369	5.635.147.811	87.475.558
Khác	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.164.646.441	2.322.456.280	2.842.190.161	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.164.646.441	2.322.456.280	2.842.190.161
Khác	Trong hạn	9.339.779.253	-	9.339.779.253	Trong hạn	5.524.386.627	-	5.524.386.627
		91.878.201.940	76.327.804.510	15.550.397.430		87.215.279.986	60.937.588.201	26.277.691.785

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Thời gian quá hạn	30/6/2015			Thời gian quá hạn	1/1/2015		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn:								
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Bắc	Trên 3 năm	3.213.565.959	3.213.565.959	-	Trên 3 năm	3.213.565.959	3.213.565.959	-
Khác	Trong hạn	150.000.000	-	150.000.000	Trong hạn	-	-	-
		<hr/>	<hr/>	<hr/>		<hr/>	<hr/>	<hr/>
		3.363.565.959	3.213.565.959	150.000.000		3.213.565.959	3.213.565.959	-
<hr/>								
▪ Phải thu khác								
Công ty TNHH MTV Viễn Dương Vinashin (*)	Trên 3 năm	8.814.886.684	-	8.814.886.684	Trên 3 năm	8.814.886.684	-	8.814.886.684
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Bắc	Trên 3 năm	8.484.896.468	8.484.896.468	-	Trên 3 năm	8.484.896.468	-	8.484.896.468
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Quang Trường	Trên 3 năm	1.999.762.235	1.999.762.235	-	Trên 3 năm	1.999.762.235	1.999.762.235	-
Tổng công ty Tài chính Cổ phần Đầu khí Việt Nam	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	29.780.000.000	-	29.780.000.000	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	29.780.000.000	-	29.780.000.000
Khác	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	4.261.844.877	2.237.831.992	2.024.012.885	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	5.265.476.019	2.237.831.992	3.027.644.027
Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam	Trong hạn	1.024.768.711	-	1.024.768.711	Trong hạn	19.278.555.865	-	19.278.555.865
		<hr/>	<hr/>	<hr/>		<hr/>	<hr/>	<hr/>
		54.366.158.975	12.722.490.695	41.643.668.280		73.623.577.271	4.237.594.227	69.385.983.044
		<hr/>	<hr/>	<hr/>		<hr/>	<hr/>	<hr/>
		149.607.926.874	92.263.861.164	57.344.065.710		164.052.423.216	68.388.748.387	95.663.674.829
		<hr/>	<hr/>	<hr/>		<hr/>	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản dự phòng phải thu khó đòi Công ty TNHH MTV Viễn Dương Vinashin được trích lập dựa trên số dư các khoản phải thu bao gồm phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác sau khi bù trừ với nợ ngắn hạn bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	5.470.950.383	-	9.712.878.871	-
Công cụ và dụng cụ	-	-	4.357.091	-
Hàng hóa	25.676.308.148	(174.699.943)	18.331.869.063	-
	31.147.258.531	(174.699.943)	28.049.105.025	-

12. Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tạm ứng cho các thuyền trưởng (*)	37.969.482.477	39.562.057.941
Tài sản ngắn hạn khác	9.123.005.954	8.889.516.636
	47.092.488.431	48.451.574.577

(*) Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty chưa thực hiện việc đánh giá khả năng thu hồi của những khoản tạm ứng này.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	4.979.053.641	3.374.572.357.519	983.786.781	3.380.535.197.941
Xóa sổ	(144.411.776)	(126.954.305)	-	(271.366.081)
Số dư cuối kỳ	4.834.641.865	3.374.445.403.214	983.786.781	3.380.263.831.860
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	3.214.478.045	902.149.590.956	685.983.226	906.050.052.227
Khấu hao trong kỳ	54.056.592	114.796.581.339	41.688.920	114.892.326.851
Xóa sổ	(131.675.276)	(126.954.305)	-	(258.629.581)
Số dư cuối kỳ	3.136.859.361	1.016.819.217.990	727.672.146	1.020.683.749.497
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	1.764.575.596	2.472.422.766.563	297.803.555	2.474.485.145.714
Số dư cuối kỳ	1.697.782.504	2.357.626.185.224	256.114.635	2.359.580.082.363

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 3.851 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 3.763 triệu VND).

Tại ngày ngày 30 tháng 6 năm 2015 tàu Ngọc Hà với giá trị còn lại là 24.439 triệu VND hiện không sử dụng và chờ bàn giao để thực hiện nghĩa vụ nợ với các tổ chức tín dụng (1/1/2015: 25.583 triệu VND).

Tại ngày ngày 30 tháng 6 năm 2015 tàu Nosco Glory với giá trị còn lại là 843.466 triệu VND tạm thời không sử dụng để chờ sửa chữa (1/1/2015: không).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.356.721 triệu VND (1/1/2015: 2.471.465 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 21(a)) và dài hạn (Thuyết minh 21(b)) của Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu và cuối kỳ	723.165.149
Số dư đầu kỳ	72.316.518
Khấu hao trong kỳ	7.231.652
Số dư cuối kỳ	79.548.170
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	650.848.631
Số dư cuối kỳ	643.616.979

15. Xây dựng cơ bản dở dang

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Dự án đóng mới tàu biển	202.516.364	202.516.364
Dự án trường Đào tạo nghề Nosco tại Bắc Ninh	4.242.232.296	4.242.232.296
	4.444.748.660	4.444.748.660

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Trả trước phí bảo hiểm	9.526.699.521	-
Công cụ và dụng cụ	66.640.446	16.238.431
	9.593.339.967	16.238.431

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa	Chi phí khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	34.371.391.045	2.114.691.051	36.486.082.096
Tăng trong kỳ	291.859.000	1.393.117.860	1.684.976.860
Phân bổ trong kỳ	(13.293.395.061)	(2.311.959.306)	(15.605.354.367)
	21.369.854.984	1.195.849.605	22.565.704.589

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Các khoản phải trả người bán****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Dalian Jointtop Ship Trading Co., Ltd.	38.454.150.042	(*)	38.612.578.907	(*)
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	34.182.808.972	(*)	44.987.461.492	(*)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	33.917.301.934	(*)	33.917.301.934	(*)
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng	33.080.000.000	(*)	33.080.000.000	(*)
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	28.395.871.622	(*)	28.395.871.622	(*)
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xích Đạo	7.474.107.795	(*)	7.122.086.409	(*)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	7.358.580.226	(*)	6.863.318.080	(*)
Công ty Cổ phần Sửa chữa tàu biển Nosco - Vinalines	5.890.839.000	(*)	5.890.839.000	(*)
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu	5.404.350.717	(*)	5.404.350.717	(*)
Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Phương Bắc	5.368.703.122	(*)	7.043.612.844	(*)
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Sông Cấm	5.323.125.963	(*)	5.323.125.963	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	5.067.032.195	(*)	5.078.053.202	(*)
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	4.514.360.194	(*)	5.655.636.528	(*)
Khác	51.401.709.293	(*)	60.078.452.376	(*)
	265.832.941.075		287.452.689.074	

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty liên kết:				
▪ Công ty Cổ phần Sửa chữa tàu biển Nosco - Vinalines	5.890.839.000	(*)	5.890.839.000	(*)
▪ Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Bắc	435.200.000	(*)	435.200.000	(*)
	<hr/>		<hr/>	
	6.326.039.000		6.326.039.000	
	<hr/> <hr/>		<hr/> <hr/>	

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Dalian Jointtop Ship Trading Co., Ltd.	38.113.558.916	(*)	38.113.558.916	(*)
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	26.733.674.338	(*)	39.581.016.120	(*)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	33.917.301.934	(*)	33.326.914.472	(*)
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng	33.080.000.000	(*)	31.480.000.000	(*)
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	28.395.871.622	(*)	28.395.871.622	(*)
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xích Đạo	7.117.566.315	(*)	5.772.896.613	(*)
Công ty Cổ phần Sửa chữa tàu biển Nosco – Vinalines	5.890.839.000	(*)	5.890.839.000	(*)
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu	5.404.350.717	(*)	5.404.350.717	(*)
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Sông Cấm	5.323.125.963	(*)	5.323.125.963	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	4.608.053.202	(*)	4.608.053.202	(*)
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	4.514.360.194	(*)	4.514.360.194	(*)
Khác	34.397.664.202	(*)	45.570.362.893	(*)
	227.496.366.403		247.981.349.712	

(*) Do ảnh hưởng của vấn đề nêu tại Thuyết minh 2(c), tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 1 tháng 1 năm 2015, Công ty và các công ty con không thể đưa ra ước tính về số dư phải trả có khả năng trả nợ.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Bù trừ với Thuế giá trị gia tăng phải nộp VND	Số đã được hoàn lại trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	21.606.614.239	8.135.606.085	(6.641.523.886)	-	23.100.696.438

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Bù trừ với Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	-	12.217.862.187	(6.641.523.886)	(5.576.338.301)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.232.946.826	116.334.247	-	(70.400.000)	1.278.881.073
Thuế thu nhập cá nhân	14.750.465.633	202.147.428	-	(69.033.669)	14.883.579.392
Thuế nhà đất	11.992.662	-	-	-	11.992.662
Tiền thuê đất	531.638.700	-	-	-	531.638.700
Các loại thuế khác	-	15.399.127	-	(15.399.127)	-
	16.527.043.821	12.731.994.042	(6.641.523.886)	(5.911.422.150)	16.706.091.827

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, những khoản này đã quá hạn.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.221.618.052.935	1.114.501.698.470
Trích trước lương thuyền viên	9.182.248.024	9.462.448.024
Trích trước chi phí tiền ăn cho thuyền viên	17.991.856.334	18.734.996.334
Trích trước chi phí bảo hiểm tàu	9.443.689.405	12.985.129.969
Trích trước chi phí sửa chữa tàu	11.498.545.958	11.498.545.958
Trích trước chi phí thuê tàu	5.527.343.794	5.527.343.794
Trích trước chi phí dầu	2.385.609.233	1.305.093.533
Các khoản trích trước khác	1.364.594.320	594.097.466
	<hr/>	<hr/>
	1.279.011.940.003	1.174.609.353.548
	<hr/>	<hr/>

20. Các khoản phải trả, phải nộp khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	3.825.783.890	3.682.148.039
Bảo hiểm xã hội	3.517.507.706	3.751.101.759
Thuế thu nhập cá nhân hoàn lại cho người lao động	4.280.385.864	4.280.385.864
Phải trả cổ tức	1.303.113.200	1.303.113.200
Lãi vay phải trả cá nhân	3.239.856.800	4.515.925.986
Thu hộ	21.778.493.941	21.104.021.001
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.620.951.039	12.979.188.796
	<hr/>	<hr/>
	50.566.092.440	51.615.884.645
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	883.884.287	908.796.949
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	3.825.783.890	3.682.148.039
Bảo hiểm xã hội	3.517.507.706	3.751.101.759
	<hr/>	<hr/>
	7.343.291.596	7.433.249.798
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(d) Phải trả khác cho các bên liên quan

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Phải trả các cổ đông	1.303.113.200	1.303.113.200
Phải trả công ty liên kết	5.283.803.274	5.283.803.274
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Các khoản vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2015		Biến động trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	118.255.920.596	(*)	5.290.531.759	(4.447.317.750)	119.099.134.605	(*)
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	95.393.984.831	(*)	1.265.186.312.773	-	1.360.580.297.604	(*)
	213.649.905.427	(*)	1.270.476.844.532	(4.447.317.750)	1.479.679.432.209	(*)

(*) Do ảnh hưởng của vấn đề nêu tại Thuyết minh 2(c), tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 1 tháng 1 năm 2015, Công ty và các công ty con không thể đưa ra ước tính về số dư phải trả có khả năng trả nợ.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	VND	18%	25.946.655.525	25.946.655.525
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	USD	7%	8.134.791.148	8.063.368.871
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	VND	14% - 24%	12.622.708.925	12.652.612.925
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	USD	7%	249.934.192	245.037.541
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	USD	7% - 8%	6.346.743.855	6.222.399.981
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	13% - 14%	3.310.071.880	3.310.071.880
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	6,5%	399.544.366	392.102.807
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	20% - 22%	6.184.050.850	6.184.050.850
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	USD	9%	1.786.981.200	1.751.971.095
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	VND	7% - 8%	13.104.191.840	13.104.191.840
Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	VND	0%	10.500.000.000	10.500.000.000
Vay cá nhân	VND	8% - 11%	22.989.006.657	22.506.420.407
Vay cá nhân	USD	3%	7.524.454.167	7.377.036.874
			119.099.134.605	118.255.920.596

Khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định của Công ty (Thuyết minh 13).

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	VND	13%	2015	70.524.000.000	70.524.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	VND	11%	2026	111.861.000.000	111.861.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	USD	3%	2019	53.335.000.000	53.335.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	3% - 4%	2019 - 2020	940.004.311.867	921.587.974.051
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch	VND	3%	2017	16.555.456.333	16.555.456.333
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch	VND	9%	2022	106.313.066.342	106.313.066.342
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	VND	12%	2017	251.563.339.590	251.563.339.590
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	USD	6%	2017	808.261.939.115	792.426.666.099
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	VND	11%	2018	6.033.500.000	6.033.500.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	USD	3% - 4%	2017 – 2020	1.060.459.264.683	1.039.683.002.478
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	VND	7,5%	2015	6.200.000.000	6.200.000.000
Công ty Bảo Minh Thăng Long	USD	7,5%	2015	12.833.521.188	12.582.089.936
Vay cá nhân	VND	11%	2015	1.168.416.917	1.172.540.417
				3.445.112.816.035	3.389.837.635.246
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(1.360.580.297.604)	(95.393.984.831)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				2.084.532.518.431	3.294.443.650.415

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định của Công ty (Thuyết minh 13).

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.366.717.093	5.599.132.293
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 23)	1.043.759.015	-
Sử dụng trong kỳ	(317.010.980)	(80.587.200)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	6.093.465.128	5.518.545.093

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lỗ lũy kế VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	200.560.000.000	13.842.805.000	(5.300.680.000)	38.226.595.632	11.701.954.375	(1.992.105.645.484)	-	(1.733.074.970.477)
Lỗi thuần trong kỳ								
- chưa soát xét	-	-	-	-	-	(225.853.408.122)	-	(225.853.408.122)
Biến động khác	-	-	-	-	-	(1.422.222)	-	(1.422.222)
Số dư tại ngày 30/6/2014 – chưa soát xét	200.560.000.000	13.842.805.000	(5.300.680.000)	38.226.595.632	11.701.954.375	(2.217.960.475.828)	-	(1.958.929.800.821)

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lỗ lũy kế VND	Cổ động không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015 - phân loại lại	200.560.000.000	13.842.805.000	(5.300.680.000)	49.928.550.007	-	(2.478.740.411.652)	-	(2.219.709.736.645)
<i>Số dư tại ngày 1/1/2015 - báo cáo trước đây</i>	200.560.000.000	13.842.805.000	(5.300.680.000)	38.226.595.632	11.701.954.375	(2.478.740.411.652)	-	(2.219.709.736.645)
<i>Ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 (Thuyết minh 35)</i>	-	-	-	11.701.954.375	(11.701.954.375)	-	-	-
Góp vốn	-	-	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(301.189.012.226)	(37.050.941)	(301.226.063.167)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(1.043.759.015)	-	(1.043.759.015)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(27.591.457)	-	-	-	(27.591.457)
Biến động khác	-	-	-	-	-	(302.790.649)	-	(302.790.649)
Số dư tại ngày 30/6/2015	200.560.000.000	13.842.805.000	(5.300.680.000)	49.900.958.550	-	(2.781.275.973.542)	2.962.949.059	(2.519.309.940.933)

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015 và 1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	20.056.000	200.560.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	20.056.000	200.560.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(530.068)	(5.300.680.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	19.525.932	195.259.320.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

26. **Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại

	30/6/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	13.628	271.312.025	70.559	1.511.071.931
EUR	396	11.798.319	401	11.928.719
		283.110.344		1.523.000.650

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Tổng doanh thu bao gồm

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2014
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	56.204.015.956	23.666.947.097
▪ Cho thuê tàu và cung cấp dịch vụ	86.352.510.014	104.314.696.423
	142.556.525.970	127.981.643.520
	142.556.525.970	127.981.643.520

28. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2014
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hoá đã bán	49.684.832.724	20.113.808.617
▪ Cho thuê tàu và cung cấp dịch vụ	188.121.734.143	227.836.806.376
	237.806.566.867	247.950.614.993
	237.806.566.867	247.950.614.993

29. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2014
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí lãi vay	107.923.673.054	93.867.845.793
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	346.865.482	268.037.159
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	55.669.836.048	-
Chi phí tài chính khác	253.344.465	66.543.055
	164.193.719.049	94.202.426.007
	164.193.719.049	94.202.426.007

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Thu nhập khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác	-	1.756.920.212
Tiền dầu DO bán được khi bàn giao tàu	3.395.369.359	18.539.870.692
Các khoản khác	731.635.196	322.145.203
	<hr/>	<hr/>
	4.127.004.555	20.618.936.107
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Bồi thường do va chạm tàu	-	10.488.192.967
Tiền mua dầu DO để bán khi bàn giao tàu	4.485.517.843	9.718.138.760
Các khoản khác	295.243.752	27.879.464
	<hr/>	<hr/>
	4.780.761.595	20.234.211.191
	<hr/>	<hr/>

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	54.482.132.701	50.108.473.488
Chi phí nhân công	27.894.017.220	26.018.961.747
Chi phí khấu hao	114.899.558.503	114.898.617.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.578.818.737	31.595.127.553
Chi phí khác	52.525.237.063	34.409.846.469
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2014
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	116.334.247	38.734.577

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2014
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lỗi kế toán trước thuế	(301.109.728.920)	(225.814.673.545)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(66.244.140.362)	(49.679.228.180)
Chi phí không được khấu trừ thuế	9.627.445.799	-
	(56.616.694.563)	(49.679.228.180)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	56.733.028.810	49.717.962.757
	116.334.247	38.734.577

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – Công ty mẹ		
Chi phí lãi vay	741.667.674	1.619.783.518
Lương và thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, và Ban Kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	1.002.995.028	1.338.161.274

Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200&202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty và các công ty con áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước và sau khi được phân loại lại như sau:

	1/1/2015 Theo báo cáo trước đây VND	1/1/2015 Phân loại lại VND	1/1/2015 Đã phân loại lại VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.313.565.959	(3.213.565.959)	3.100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.213.565.959)	3.213.565.959	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	3.213.565.959	3.213.565.959
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(65.175.182.428)	(3.213.565.959)	(68.388.748.387)
Quỹ đầu tư phát triển	38.226.595.632	11.701.954.375	49.928.550.007
Quỹ dự phòng tài chính	11.701.954.375	(11.701.954.375)	-

[Ngày tháng năm]

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Thanh
Kế toán tổng hợp

Hoàng Thị Thu Thảo
Kế toán trưởng

Trịnh Hữu Lương
Tổng Giám đốc